

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/DSST

Ngày: 26-9-2019.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Thu Huyền

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 04 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 55/2019/QĐXXST- DS ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1953.

Địa chỉ cư trú: số 6B, tổ 8, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Vương Thị Mỹ H, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: tổ 8, ấp V, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Trương Thị L (nguyên đơn) trình bày:

Do quen biết vì chị H ở gần nhà và cùng tổ nên bà cho chị H vay 06 lần số tiền 41.000.000 đồng.

Ngày 18/9/2011 chị H làm giấy nợ do chị H viết và ký tên (bà đã cung cấp giấy nợ cho Tòa án). Khi vay chị H nói vay cho mẹ, cho anh nhưng chị H là người trực tiếp nhận tiền, lãi suất thỏa thuận miệng theo lãi suất quá hạn của ngân hàng Nhà nước không ghi trong giấy nợ nhưng từ ngày chị H làm giấy nhận nợ ngày

18/9/2011 cho đến nay không đóng cho bà khoảng tiền lãi nào cũng như trả tiền vốn. Do chị H không đóng lãi, không trả tiền vốn theo thỏa thuận nên đến tháng 4 năm 2019 bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xử buộc chị H trả cho bà tiền vốn 41.000.000 đồng và lãi suất quá hạn theo ngân hàng Nhà nước. Do chị H không biết tên trong giấy của bà chỉ biết tên thường gọi của bà là N nên giấy mượn tiền chị H ghi là bác N là tên chồng bà chứ chồng bà không cho chị H vay, sau khi bà làm đơn nộp Tòa án chồng bà mới biết việc bà cho chị H vay tiền. Bà xác định chồng bà không liên quan đến vụ án. Tại tòa bà xin rút một phần yêu cầu là không yêu cầu chị H trả lãi suất yêu cầu chị H trả tiền vốn cho bà số tiền 41.000.000 đồng. Việc chị H nói với bà là mượn giùm mẹ, anh chị H nhưng bà trực tiếp đưa tiền cho chị H và chị H cũng là người viết giấy nhận nợ nên không liên quan đến mẹ chị H và anh chị H.

*** Chị Vương Thị Mỹ H – bị đơn trình bày:** Chị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H.

Qua thu thập chứng cứ đối với bà Nguyễn Thanh H bà là mẹ đẻ của chị H bà xác định không có nhờ chị H vay tiền của bà L, việc chị H vay tiền của bà L bao nhiêu tiền và vay năm nào bà không biết cho đến khi bà L đến nhà bà nói chị H vay tiền của bà L và bà nhờ chị H vay tiền của bà L cho bà thì bà mới biết, bà xác định chị H vay tiền của bà L không liên quan đến bà. Năm 2018 chị H có đến nhà bà gửi con chị H cho bà nuôi từ đó chị H không về thăm con chị H có liên lạc với bà qua điện thoại nhưng bà không điện thoại cho chị H được vì chị H sử dụng sim khuyến mãi. Chị H có hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp V, xã A, huyện C chung hộ khẩu với mẹ chồng của bà là Phạm Thị N (đã chết) hiện nay nhà ông Vương Hữu P đang ở.

Ông Trần Đình N (chồng bà L) xác định bà L cho chị H vay bao nhiêu tiền và khi nào ông không biết cho đến khi Tòa án mời giải quyết ông mới biết, bà L tên thường gọi là N (tên ông) chòm xóm kêu bà L là bác N chứ không biết tên trong giấy của bà L, việc bà L cho chị H vay tiền không liên quan đến ông nên ông yêu cầu vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối

với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc chị H trả cho bà L số tiền 41.000.000 đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Vương Thị Mỹ H vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như: quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về nội dung: Bà L yêu cầu chị H trả 41.000.000 đồng. Hợp đồng vay tài sản giữa bà L và chị H được ký kết bằng văn bản, chị H trả khi nào có khả năng, trong một tháng trả mấy triệu nhưng không nói cụ thể, không ghi mức lãi suất. Theo đó ngày 18/9/2011 chị H vay của bà L tổng cộng số tiền 41.000.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng vay tiền là tự nguyện và hợp pháp, do có tranh chấp về nghĩa vụ trả nợ nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền gốc: Bà L yêu cầu chị H trả 41.000.000 đồng, chị H vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H nhưng chị H không đến tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H. Xét thấy lời trình bày của bà L cũng như giấy nợ bà L cung cấp thì hợp đồng vay tài sản giữa bà L và chị H là có thật thể hiện giấy nợ bà L cung cấp do chị H viết và ký tên ngày 18-9-2011 nội dung chị H có mượn bác N 39.000.000 đồng tôi sẽ trả khi nào có khả năng, trong một tháng trả mấy triệu cho bác N (Hai triệu đồng chẵn). Tổng cộng là bốn một triệu đồng chẵn, ký tên H. Như vậy lời khai của bà L là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L buộc chị H có nghĩa vụ trả cho bà L 41.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về lãi suất: Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2019 bà L yêu cầu Tòa án xử buộc chị Vương Thị Mỹ H trả cho bà 41.000.000 đồng tiền vốn vay và lãi suất quá hạn theo quy định của Ngân hàng. Tại Biên bản hòa giải ngày 15/7/2019 và tại

phiên tòa bà L rút yêu cầu đòi chị H trả lãi quá hạn theo quy định của Ngân hàng nên ghi nhận là hợp lý.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc chị H trả cho bà L số tiền 41.000.000 đồng, không tính lãi suất. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc chị Vương Thị Mỹ H có nghĩa vụ trả cho bà Trương Thị L số tiền 41.000.000 (Bốn mươi một triệu) đồng. Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Thị Mỹ H phải chịu 2.050.000 (Hai triệu không trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trương Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị H vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự;
Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H Châu Thành;
- THADS H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Hưởng